

Số: 30 /2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 10 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý công tác cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC-BNV-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Nội vụ và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý công tác cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương

binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động – TBXH;
- Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Điện Biên;
- Các Ban đảng, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- Như Điều 3;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(VVB,HVQ).

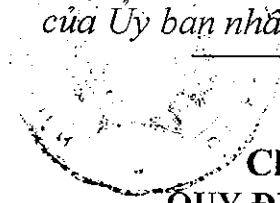
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY CHẾ

Quản lý công tác cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Quyết định số 30 /2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ, việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo của người học theo chế độ cử tuyển; quy trình, thủ tục tuyển chọn; tổ chức quản lý; tiếp nhận và xét tuyển vào vị trí việc làm đối với người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị), học sinh theo chế độ cử tuyển và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đối với người đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Nguyên tắc cử tuyển

Việc thực hiện chế độ cử tuyển phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả.
3. Cơ quan, đơn vị, địa phương cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận, xét tuyển vào vị trí việc làm đã được dự kiến cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp hoặc chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp nhận người học cử tuyển.
4. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ sở đào tạo và gia đình của sinh viên cử tuyển trong việc theo dõi, quản lý sinh viên đi học và xét tuyển vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh trên cơ sở xét duyệt tuyển vào đại học để đào tạo cán bộ, công chức theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên

chế; đào tạo viên chức theo nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đồng bào các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức đạt trình độ đại học.

2. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hiểu tại Quy chế này là các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc; các thôn, bản đặc biệt khó khăn của các xã không thuộc diện đặc biệt khó khăn.

3. Vị trí việc làm

a) Vị trí việc làm của công chức là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Vị trí việc làm của viên chức là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Xét tuyển vào vị trí việc làm: Là tuyển dụng sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường vào làm công chức, viên chức theo hình thức xét tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Điều 5. Đối tượng cử tuyển

1. Công dân Việt Nam thường trú từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên và có thời gian 3 năm học trung học phổ thông tại trường đóng tại địa phương đó (học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh các lớp tạo nguồn tính theo hộ khẩu trường trú); ưu tiên xét cử tuyển đối tượng là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ người dân tộc Kinh được cử tuyển không vượt quá 15% so với tổng số chỉ tiêu được giao.

2. Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số thường trú trên địa bàn tỉnh mà dân tộc đó chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học so với số dân của dân tộc đó trong phạm vi của tỉnh Điện Biên, thường trú ở khu vực III, II (có thể xét cả đối tượng ở khu vực I trong trường hợp dân tộc thiểu số đó có rất ít hoặc không có cán bộ đạt trình độ đại học so với số dân của dân tộc đó hoặc việc cử tuyển đối với các đối tượng này ở khu vực III, II không đáp ứng nhu cầu tuyển dụng) từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh.

Các khu vực III, II, I nêu trên được xác định theo quy định phân định

vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban dân tộc.

Điều 6. Tiêu chuẩn được hưởng chế độ cử tuyển

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông đối với đối tượng được cử tuyển vào đại học; xếp loại hạnh kiểm năm cuối cấp đạt loại khá trở lên; xếp loại học tập năm cuối cấp đạt trung bình trở lên đối với người dân tộc thiểu số và loại khá trở lên đối với người dân tộc Kinh.

2. Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển.

3. Không quá 25 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

4. Không thuộc biên chế trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước.

Điều 7. Thứ tự ưu tiên trong xét tuyển đi học cử tuyển

1. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người;

2. Học sinh người dân tộc thiểu số mà dân tộc đó chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học so với số dân của dân tộc đó trong phạm vi của tỉnh.

3. Học sinh người dân tộc thiểu số trúng tuyển vào đại học, đáp ứng yêu cầu về đối tượng tại Điều 5, tiêu chuẩn tại Điều 6 Quy chế này có nguyện vọng theo học chế độ cử tuyển.

4. Học sinh người dân tộc thiểu số.

5. Học sinh thuộc diện chính sách: con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con người được hưởng chính sách như thương binh.

6. Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh trong năm xét tuyển.

7. Học sinh có điểm bình quân các môn thi dùng xét tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông cao hơn, hạnh kiểm tốt hơn.

8. Học sinh trong gia đình chưa có anh, chị, em ruột đã đi học đại học theo chế độ cử tuyển.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tiêu chuẩn như nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì lựa chọn người có nhiều ưu tiên hơn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển, trách nhiệm bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:

a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;

b) Được cấp học bổng, tính chi trả học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;

c) Được tiếp nhận và xét tuyển vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:

a) Cam kết thực hiện các quy định của cơ sở giáo dục, bố trí công tác của cơ quan trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học về sự xét tuyển vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp;

b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành học do cơ quan cử đi học đăng ký;

c) Phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo mức quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

a) Người học vi phạm một trong những quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 15 Quy chế này. Người bị kỷ luật buộc thôi học hoặc tự thôi học nhưng không có lý do chính đáng được cơ quan cử đi học chấp thuận.

b) Người học không chấp hành sự xét tuyển vào vị trí việc làm đã dự kiến của cơ quan cử đi học sau khi tốt nghiệp.

c) Người bị kỷ luật không được xét tuyển vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp hoặc vi phạm pháp luật đến mức không đủ tiêu chuẩn được xét tuyển vào vị trí việc làm.

d) Người học có thời gian làm việc sau khi được xét tuyển vào vị trí việc làm ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

đ) Người bị thôi việc trong thời gian đang chấp hành công tác theo vị trí việc làm được xét tuyển.

4. Mức bồi hoàn, cách tính bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

a) Mức tiền bồi hoàn bao gồm học bổng cho người học và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước cấp. Tiền bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Cách tính tiền bồi hoàn đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, Khoản 3 Quy chế này, được xác định như sau:

$$TS = (HB + CF) \times n$$

Trong đó: TS là tổng số tiền phải bồi hoàn; HB là học bổng người học được hưởng trong một năm; CF là chi phí đào tạo cho người học trong một năm; n là số năm mà người học đã học theo chế độ cử tuyển.

c) Cách tính tiền bồi hoàn đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 3 Quy chế này, được xác định như sau:

$$TS = \frac{T-t}{T} \times (HB + CF) \times n$$

Trong đó: T là thời gian người được cử tuyển phải chấp hành công tác theo vị trí việc làm được xét tuyển; t là thời gian làm việc người được cử tuyển đã chấp hành theo sự xét tuyển vào vị trí việc làm; các ký hiệu: TS, HB, CF và n

xác định theo quy định tại điểm b Khoản 4 nêu trên.

5. Trách nhiệm thu hồi học bổng, chi phí đào tạo

Trong thời gian 01 năm tính từ thời điểm học sinh phải bồi hoàn kinh phí Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi xét tuyển vào vị trí việc làm đối với người theo học chế độ cử tuyển) có trách nhiệm:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi quản lý sinh viên cử tuyển thường trú trên địa bàn chủ trì thực hiện, báo cáo kết quả với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan việc thu hồi học bổng, chi phí đào tạo đối với các trường hợp tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 3 Điều này nộp lại vào ngân sách Nhà nước.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi xét tuyển vào vị trí việc làm đối với người theo học chế độ cử tuyển) chủ trì thực hiện, báo cáo với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan việc thu hồi học bổng, chi phí đào tạo đối với các trường hợp tại điểm d, đ Khoản 3 Điều này nộp lại vào ngân sách Nhà nước.

- Trong thời gian 01 năm tính từ thời điểm học sinh phải bồi hoàn kinh phí các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thực hiện xong việc thu hồi học bổng, chi phí đào tạo đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều này.

6. Những trường hợp không phải bồi hoàn kinh phí đào tạo

a) Thời gian chấp hành công tác theo vị trí việc làm được xét tuyển là đủ 02 (hai) lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo. Sau thời gian này, trường hợp thôi việc thì cá nhân không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo;

b) Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ thông báo xét tuyển vào vị trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp. Quá thời hạn 12 tháng không nhận được thông báo xét tuyển theo quy định của Quy chế này thì người học theo chế độ cử tuyển không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

Chương III

QUY TRÌNH, THỦ TỤC TUYỂN CHỌN NGƯỜI HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Điều 9. Xác định nhu cầu chỉ tiêu cử tuyển

1. Căn cứ để xác định nhu cầu chỉ tiêu cử tuyển

a) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan đến yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau 05 đến 06 năm kể từ năm xác định chỉ tiêu cử tuyển (theo thời gian đào tạo của các cơ sở giáo dục, trong đó có 01 năm học dự bị) của địa phương, của ngành;

b) Vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao; thực trạng ngành nghề

đang thiếu nhân lực, không có nguồn tuyển;

c) Kết quả xét tuyển vào vị trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển của địa phương đã tốt nghiệp ra trường;

d) Dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học so với số dân của dân tộc đó trong phạm vi của địa phương.

2. Quy trình, thủ tục xây dựng chỉ tiêu cử tuyển

a) Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định chỉ tiêu cử tuyển, thủ tục đăng ký chỉ tiêu, chuyên ngành đào tạo cử tuyển;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã tiến hành rà soát, dự kiến nhu cầu chỉ tiêu cử tuyển trên cơ sở xác định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời phải có kế hoạch đảm bảo xét tuyển vào vị trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường. Trên cơ sở đó tiến hành xét duyệt chỉ tiêu cử tuyển theo ngành, nghề, trường đào tạo và dự kiến cụ thể vị trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp;

Trong trường hợp nhu cầu đăng ký học sinh cử tuyển thuộc chuyên ngành đặc thù mà việc xét tuyển vào vị trí việc làm thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh thì phải có văn bản thỏa thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở, ban, ngành cấp tỉnh và văn bản đồng ý của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đối với chỉ tiêu cử tuyển dự kiến đăng ký. Văn bản đăng ký nhu cầu cử tuyển gửi Sở Nội vụ trước ngày 20 tháng 4 hằng năm;

c) Các Sở, ban, ngành có nhu cầu tiếp nhận sinh viên cử tuyển đối với những ngành nghề đặc thù nhưng không có nguồn tuyển sinh, thì xây dựng nhu cầu, dự kiến phương án xét tuyển vào vị trí việc làm; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để tuyển sinh, đăng ký chỉ tiêu cử tuyển theo quy định tại Điểm b Khoản này.

d) Trên cơ sở đề xuất nhu cầu cử tuyển kèm theo kế hoạch xét tuyển vào vị trí việc làm công tác sau khi tốt nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo nhu cầu chỉ tiêu cử tuyển của tỉnh.

Điều 10. Tổ chức tuyển sinh đối tượng cử tuyển

1. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo cử tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu đào tạo cử tuyển theo từng trường tới Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức tuyển sinh cử tuyển.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo cử tuyển được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện:

a) Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục, chỉ tiêu, đối tượng, tiêu chuẩn, thành phần hồ sơ đăng ký học cử tuyển để các cơ quan, đơn vị tuyển sinh đối tượng cử tuyển.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo công khai đến các trường trung học

phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh để thông tin, hướng dẫn cho học sinh đăng ký dự tuyển.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện sơ tuyển tại địa bàn, cụ thể như sau:

Thông báo công khai, đầy đủ về chỉ tiêu, đối tượng, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ tuyển sinh cử tuyển tới các xã và yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã thông báo rộng rãi tới các thôn, bản trên địa bàn, đồng thời Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của huyện về các nội dung trên.

Thành lập Hội đồng tuyển sinh cử tuyển cấp huyện, thành phần do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, trong đó Phòng Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác cử tuyển.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo tuyển sinh của Sở Nội vụ, Hội đồng tuyển sinh cử tuyển cấp huyện tiếp nhận hồ sơ cử tuyển, lựa chọn học sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn và lập danh sách học sinh đề nghị trúng tuyển, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp.

3. Thành lập Hội đồng tuyển sinh theo chế độ cử tuyển cấp tỉnh. Các cơ quan có thành viên tham gia Hội đồng cử tuyển có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công là thành viên theo quy định.

4. Tổ chức cuộc họp Hội đồng tuyển sinh theo chế độ cử tuyển cấp tỉnh để xét duyệt danh sách tuyển chọn người học theo chế độ cử tuyển đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn. Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử học sinh đi học theo chế độ cử tuyển.

5. Giao Sở Nội vụ ký hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục, bàn giao 01 bộ hồ sơ của người được cử tuyển cho cơ sở giáo dục quản lý và trực tiếp quản lý 01 bộ hồ sơ người học cử tuyển.

Điều 11. Hội đồng tuyển sinh theo chế độ cử tuyển

1. Hằng năm, Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tuyển sinh theo chế độ cử tuyển cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội đồng cử tuyển) để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác cử tuyển của tỉnh theo quy định.

2. Thành phần Hội đồng cử tuyển gồm có:

a) Chủ tịch Hội đồng cử tuyển là một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng cử tuyển là Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng cử tuyển là Trưởng Ban Dân tộc tỉnh;

d) Các thành viên của Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

e) Thư ký Hội đồng cử tuyển là một cán bộ lãnh đạo, quản lý phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ tham mưu công tác cử tuyển.

3. Nhiệm vụ Hội đồng cử tuyển của tỉnh: Xét duyệt danh sách tuyển chọn

người học theo chế độ cử tuyển đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, chuyên ngành, cơ sở đào tạo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho từng huyện.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 12. Quản lý, theo dõi trong quá trình học tập

1. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ sở giáo dục để chuyển giấy báo nhập học tới Ủy ban nhân dân cấp huyện có học sinh được cử đi học theo chế độ cử tuyển; gửi hồ sơ của học sinh trúng tuyển, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh cử học sinh đi học theo chế độ cử tuyển cho các cơ sở đào tạo;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết hợp đồng đào tạo cử tuyển với các cơ sở giáo dục;

c) Phối hợp với các cơ sở giáo dục để theo dõi các vấn đề liên quan đến kết quả học tập, rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ mối liên hệ với các gia đình có người học theo chế độ cử tuyển trong việc theo dõi thời gian học tập, kết quả học tập, rèn luyện hằng năm của người học theo chế độ cử tuyển.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chuyển giấy báo nhập học tới học sinh được cử đi học theo chế độ cử tuyển; ký cam kết trách nhiệm giữa địa phương với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và học sinh được cử tuyển đi học đúng quy định;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với gia đình quản lý người học theo chế độ cử tuyển trong quá trình đào tạo;

c) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc triển khai thông báo triệu tập học sinh cử tuyển, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh cử tuyển được nhập học và theo học trong suốt quá trình đào tạo.

Điều 13. Quản lý kinh phí đào tạo theo chế độ cử tuyển

1. Sở Nội vụ

Xây dựng dự toán kinh phí đào tạo cử tuyển hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Trực tiếp chi trả kinh phí đào tạo theo hợp đồng với các cơ sở giáo dục hằng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối bố trí nguồn kinh phí hằng năm để thực hiện chế độ cử tuyển. Thẩm định dự toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp phát kinh phí theo quy định. Kiểm tra việc sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan về tài chính trong công tác cử tuyển.

Điều 14. Chế độ chính sách của sinh viên cử tuyển

1. Được tỉnh chi trả học phí theo quy định.
2. Được cấp học bổng theo quy định của Nhà nước.
3. Trợ cấp tiền ăn, ở, đi lại, mua sách vở, đồ dùng học tập, bảo hiểm y tế: Mức trợ cấp tối thiểu bằng 50% mức lương tối thiểu chung hiện hành của Nhà nước. Số tháng được trợ cấp trong năm là 10 tháng. Riêng năm cuối khóa (chỉ tính thời gian học chính khóa theo chương trình học tập của cơ sở đào tạo, không tính thời gian chờ xét tốt nghiệp hoặc kéo dài bảo vệ đồ án, luận văn, thi tốt nghiệp), thời gian được hưởng trợ cấp tính đến khi được công nhận tốt nghiệp, nếu số ngày của tháng cuối khóa lớn hơn $\frac{1}{2}$ tháng thì làm tròn 01 tháng, nếu nhỏ hơn hoặc bằng $\frac{1}{2}$ tháng thì tính $\frac{1}{2}$ tháng.

Điều 15. Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế học tập

1. Các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế học tập giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, địa phương gặp, trao đổi với gia đình, người học theo chế độ cử tuyển để giáo dục, động viên, nhắc nhở sinh viên cử tuyển, bao gồm các trường hợp:

a) Có văn bản phản ánh của cơ sở giáo dục về chất lượng học tập chưa đạt yêu cầu;

b) Có văn bản của cơ sở giáo dục về việc cảnh báo chất lượng học tập không đạt đối với sinh viên cử tuyển hoặc thông báo về việc sinh viên cử tuyển vi phạm nội quy, quy chế học tập của Nhà trường;

c) Không tuân thủ đúng yêu cầu của cơ sở đào tạo về thời gian nhập học, thời gian học tập trên lớp.

2. Các trường hợp Hội đồng cử tuyển của tỉnh họp xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho thôi học hoặc buộc thôi học theo chế độ cử tuyển

a) Người học theo chế độ cử tuyển trong quá trình học tập, rèn luyện không đảm bảo theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường như nợ môn kéo dài, tự ý thôi học, bỏ học, vi phạm quy chế, nội quy của nhà trường đề ra đến mức phải xem xét kỷ luật hoặc trong thời gian đào tạo chính thức nếu lưu ban từ 02 năm trở lên so với thời gian ra trường theo kế hoạch, chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục thì Sở Nội vụ phối hợp với các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, địa phương trình Hội đồng cử tuyển của tỉnh họp xét hình thức xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho thôi học theo chế độ cử tuyển.

b) Trong trường hợp, người được cử đi học theo chế độ cử tuyển vi phạm 02 lần quy định tại điểm a,b,c Khoản 1 Điều này thì Hội đồng cử tuyển họp xét hình thức xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét buộc thôi học theo chế độ cử tuyển.

c) Người học theo chế độ cử tuyển có đơn tự nguyện xin nghỉ học do năng lực không thể theo học đáp ứng được chương trình học tập mà không thuộc trường hợp đã vi phạm nội quy, quy chế nhà trường.

Chương V

TIẾP NHẬN VÀ XÉT TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 16. Tiếp nhận hồ sơ tốt nghiệp

1. Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp theo chế độ cử tuyển. Gửi hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp tới cơ quan, đơn vị đã đăng ký nhu cầu cử học sinh đi học theo chế độ cử tuyển để xét tuyển vào vị trí việc làm.

2. Các cơ quan, đơn vị

a) Tiếp nhận hồ sơ, bằng tốt nghiệp, bảng điểm của người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp từ Sở Nội vụ;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức xét tuyển vào vị trí việc làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản quy phạm pháp luật về tuyển dụng đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp theo quy định.

Điều 17. Quy trình, thủ tục xét tuyển vào vị trí việc làm

1. Trên cơ sở tiếp nhận hồ sơ người học sau khi tốt nghiệp theo chế độ cử tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc sở, ban, ngành tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp cử tuyển xây dựng phương án xét tuyển đối với sinh viên tốt nghiệp cử tuyển vào vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, chỉ tiêu biên chế và theo kế hoạch xét tuyển vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án khi đề xuất chỉ tiêu, chuyên ngành đào tạo.

Trường hợp các Sở, ban, ngành tỉnh có nhu cầu tuyển dụng người theo học chế độ cử tuyển thì thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi đề xuất chỉ tiêu cử tuyển) để tuyển dụng vào vị trí việc làm.

2. Phương án xét tuyển được gửi về Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành xét tuyển vào vị trí việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp cử tuyển. Hình thức, nội dung sát hạch do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng và được phê duyệt trong phương án xét tuyển.

4. Kết quả xét tuyển được gửi về Sở Nội vụ để xem xét phê duyệt.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tuyển dụng, bố trí công tác đối với các trường hợp đạt yêu cầu theo kết quả được phê duyệt.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Nội vụ

Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc quản lý sinh viên cử tuyển

và tình hình thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị

Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả tuyển dụng, bố trí, sử dụng sinh viên cử tuyển hoặc tình hình thực hiện công tác cử tuyển theo chức năng nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật

1. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cử tuyển. Trình cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý những đơn vị, tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định về công tác cử tuyển tại Quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về các trường hợp cố ý làm sai lệch hồ sơ học sinh để được xét cử đi học theo chế độ cử tuyển và về kết quả bố trí, xét tuyển vào vị trí việc làm của sinh viên cử tuyển do cơ quan, đơn vị, địa phương cử đi học sau khi tốt nghiệp ra trường.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị cần kịp thời phản ánh về cơ quan thường trực (Sở Nội vụ) tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *fl*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn